

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
- Mã chứng khoán: TCL
- Địa chỉ trụ sở chính: 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 02837423207
- Fax: 02837423206
- Người thực hiện công bố thông tin: Đào Tuấn Anh

Chức vụ: Trưởng ban Pháp chế - Thư ký công ty

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

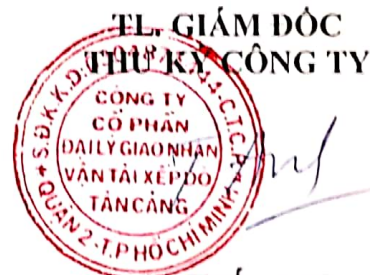
Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo thường niên 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/4/2019 tại đường dẫn: <http://www.tancanglogistics.com>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2019.



Đào Tuấn Anh



**TAN CANG
LOGISTICS**

EFFECTIVE SUPPLY CHAIN SOLUTION

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG

1295B, Đường Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Quận 2, TP HCM

Tel : +(84 28) 37422 234

Fax : +(84 28) 37423 206

Website : <http://tancanglogistics.com>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- Giấy CNĐKDN số: 4103006182 đăng ký lần đầu ngày 08/03/2007, thay đổi lần thứ 9 ngày 19/04/2016.
- Vốn điều lệ: 209.438.930.000 VNĐ (*Hai trăm lẻ chín tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 209.438.930.000 VNĐ (*Hai trăm lẻ chín tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng*)
- Tổng số cổ phần: 20,943,893 CP (*không có CP bị hạn chế chuyển nhượng*)
- Địa chỉ: 1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028 37422234
- Số fax: 028 37423027
- Website: www.tancanglogistics.com
- Mã cổ phiếu: TCL
- Logo Công ty:



- Quá trình hình thành và phát triển:

- + **2006:** (Tiền thân) Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng được Thành lập theo Quyết định 82/2006/QĐ – BQP.
- + **2007:** Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng được thành lập chính thức theo GCN ĐKKD số 4103006182 ngày 08/03/2007.
- + **2009:** Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng được chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
Quyết định niêm yết số 160/QĐ- SGDHCM ngày 11/12/2009.
Số lượng cổ phiếu niêm yết: 17.000.000 cp.
Mã chứng khoán: TCL.
Ngày giao dịch đầu tiên: 24/12/2009

- + **2010 – 2011:** (Tăng vốn) Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 1.700.000 cp
Vốn điều lệ sau phát hành: 186.999.050.000 VNĐ
Phát hành cổ phiếu ra công chúng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 6.300.000 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau phát hành: 209.438.930.000 VNĐ
Theo Giấy chứng nhận phát hành số 76/GCN – UBCK ngày 28/07/2011

Các sự kiện khác:

- + Năm 2007: Thành lập Công ty CP Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1 - nay là Công ty CP Vận tải bộ Tân Cảng.
- + Năm 2008: Chính thức triển khai dịch vụ Đại lý Hải quan.
- + Năm 2009: Thành lập Công ty CP Vận tải Tân Cảng số 2 - nay là Công ty CP Vận tải Thủy Tân Cảng.
- + Năm 2010: Góp vốn thành lập Công ty CP Tân Cảng – Bến Thành
- + Năm 2011: Khai trương bến đóng rút, hàng đở xá Tân Cảng – Nhơn Trạch tại căn cứ 696 thuộc vùng 2 Hải Quân.
- + Năm 2012: Đầu tư bãi container rộng, nâng cấp bãi container hàng; Đầu tư khai thác thêm 4 băng chuyền và 2 cầu di động; Chuyển nhượng (thoái vốn) toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Vận tải Tân Cảng số 2.
- + Năm 2013: Tái cơ cấu vốn tại Công ty CP Tân Cảng – 128 Hải Phòng; Góp vốn thành lập Công ty CP Dịch vụ Vận tải Biển Tân Cảng; Chuyển nhượng (thoái vốn) toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1.
- + Năm 2014: Bàn giao toàn bộ diện tích đất Depot 9 cho Quân chủng Hải Quân; Đầu tư 1 tàu vận tải container (Tân cảng Pioneer) và cho Công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng thuê khai thác; Khai trương Depot Tân Cảng Mỹ Thủy, mở rộng diện tích khai thác container rộng.
- + Năm 2015: Góp vốn thành lập Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng – Đồng Nai; Khai trương hoạt động cầu KE 03 – Bến sà lan 125; Khai trương kho bãi Tân Cảng – Nhơn Trạch; Chuyển nhượng tàu Tân cảng Pioneer cho công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng.
- + Năm 2016: Công bố Quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục Hải quan tại Tân Cảng Nhơn Trạch.
- + Năm 2017: Chuyển nhượng (thoái vốn) toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Cty CP Vận tải biển Tân Cảng; Công bố Quyết định thành lập Đội nghiệp vụ 2 thuộc chi cục Hải quan Nhơn Trạch hoạt động tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.

+ Năm 2018: Đưa tòa nhà Văn phòng 12 tầng (TCL Building) trên đường Đồng Văn Cống – Quận 2 đi vào hoạt động; đầu tư xây thêm 5.000 m² kho tại ICD TC-NT, nâng tổng diện tích kho tại ICD TCNT lên 8,000 m²; ICD TCNT từng bước tiếp nhận hàng dịch vụ của SNPL tại thị trường Nhơn Trạch.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Xếp dỡ Container

- Máy móc thiết bị chuyên dụng hiện đại
- Sản lượng trung bình khoảng 600.000 Teus/tháng
- Địa bàn: Tân Cảng Cát Lái, ICD Tân Cảng - Nhơn Trạch....

2.2. Khai thác cảng

- ICD Tân Cảng Nhơn Trạch
Diện tích khai thác: 135.000 m²
Chiều dài cầu tàu: 160 m
Cảng Tân Cảng 128 Hải Phòng
Diện tích khai thác: 160.000 m²
Chiều dài cầu tàu: 295 m
- Địa bàn: Đồng Nai, Hải Phòng

2.3. Dịch vụ đóng rút

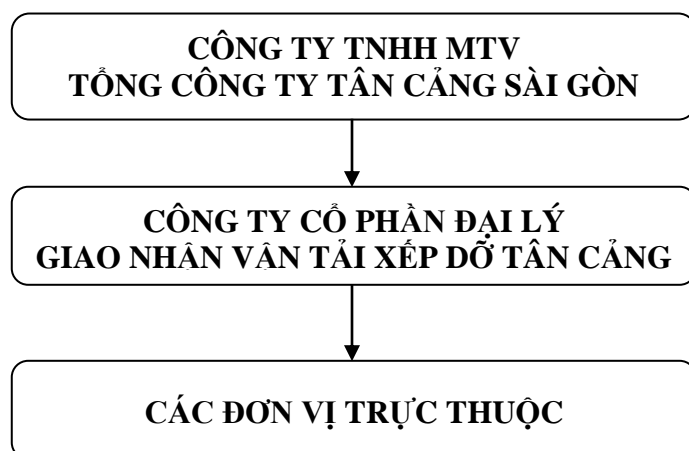
- Bến đóng rút 125 Cát Lái
Diện tích khai thác: 15.000 m²
Năng suất đóng/rút: 350 cont/ngày đêm
- Bến đóng gao Tân Cảng – Nhơn Trạch
Diện tích khai thác: 12.000 m²
Năng suất đóng/rút: 150 cont/ngày đêm
- Đóng rút container hàng lạnh tại depot TC Mỹ Thủy
Diện tích khai thác: 5.000 m²
Năng suất đóng/rút: 100 cont/ngày đêm
- Địa bàn: Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh

2.4. Kinh doanh khai thác Depot

- Tổng diện tích khai thác bãi trên 200.000 m²
- Dung lượng thiết kế khoảng 20.000 Teus
- Địa bàn: Cảng Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



Công ty mẹ:

Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

- Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 02837422234 Fax: 02837425350
- ĐKDN số: 0300514849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/06/2010.
- Tỷ lệ nắm giữ tại TCL: 51% vốn điều lệ của TCL tương ứng 106.814.400.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ kho bãi, cảng biển, cảng mở, cảng trung chuyển; Dịch vụ ICD, xếp dỡ, kiểm đếm, giao nhận hàng hóa; Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan; Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải,...

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng

- Địa chỉ: Hạ Đoạn, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng.
- Điện thoại/Fax: 02253769686
- ĐKDN số: 0201183522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng cấp ngày 24/06/2011.
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2018: 92.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ: 36% vốn điều lệ tương ứng 33.120.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh: Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành

- Địa chỉ: 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 02866789091 Fax: 02837425341
- ĐKDN số: 0310151577 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/ 07/ 2010.
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2018: 150.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ: 36% vốn điều lệ tương ứng: 54.000.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh: Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Lưu giữ hàng hóa.

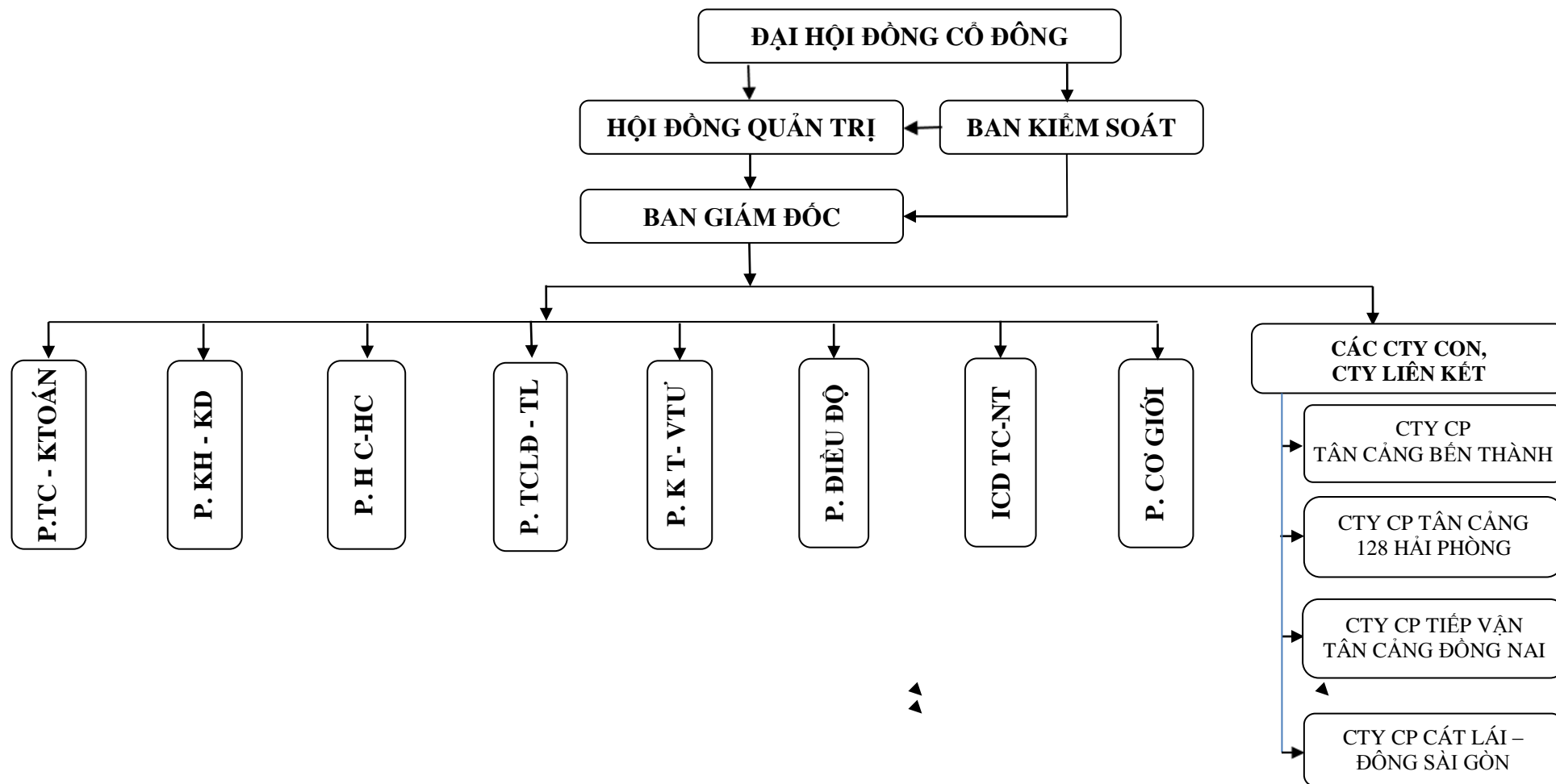
Công ty Cổ phần Tiếp vận tân Cảng Đồng Nai

- Địa chỉ: Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 0613583122/0838976794 Fax: 0838976794
- ĐKKD số: 3603266982 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/03/2015
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2018: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ: 20% vốn điều lệ tương ứng 4.000.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn

- Địa chỉ: 938/180 Nguyễn Thị Định, Khu Phố 3, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. HCM.
- Điện thoại: Fax:
- ĐKKD số: 0314745980 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/ 2017.
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2018: 50.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ: 20% vốn điều lệ tương ứng 10.000.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác cảng, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phát huy tối đa lợi thế của hệ thống các cơ sở hiện có, củng cố và giữ vững ưu thế cạnh tranh khai thác cảng, ICD. Tập trung đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả dịch vụ cốt lõi của công ty: xếp dỡ, khai thác Depot, đóng/rút, logistics, khai thác kho.

Tập trung đầu tư, phát triển ICD Tân Cảng Nhơn Trạch là điểm tập kết, trung chuyển hàng hóa xuất nhập tàu giữa các cảng Cái Mép, Hiệp Phước và Cát Lái; cùng với Trung tâm Logistics của TCT Tân Cảng Sài Gòn (SNPL) trực tiếp cung cấp dịch vụ logistics trọn gói cho khách hàng khu vực này.

Tiếp tục tìm kiếm khu đất xung quanh cảng để mở thêm các depot, các khu phụ trợ khác cho cảng Cát Lái. Tăng cường khai thác dịch vụ rỗng (bao gồm cả rỗng khô và rỗng lạnh), dịch vụ đóng rút hàng lạnh tại khu vực Depot Tân Cảng Mỹ Thủy.

Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ; tối ưu hóa hiệu quả hoạt động ICD Tân cảng Nhơn Trạch, Depot Mỹ Thủy, Khu D (Depot 6), Bến 125 và các dự án mới... để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả.

Nâng cao năng lực khai thác ... Quản lý công tác tài chính minh bạch, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tận dụng các thế mạnh của toàn bộ hệ thống SNP, chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân lực, áp dụng thành tựu cách mạng 4.0 vào công tác quản lý và điều hành khai thác cảng, kết nối hệ thống với hải quan, hãng tàu, khách hàng, ngân hàng nhằm từng bước tự động hóa hoạt động khai thác cảng, giải phóng sức lao động, tăng năng suất xếp dỡ, năng suất lao động, giảm giá thành và duy trì tăng trưởng.

Mở rộng đầu tư, tăng cường hợp tác các dự án cảng và logistics, đảm bảo khả năng cạnh tranh lâu dài, phát triển bền vững.

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

+ Về môi trường

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, Đảng ủy, Ban Giám đốc công ty thường xuyên chỉ đạo Đoàn thanh niên phát động các phong trào vệ sinh các khu vực do công ty quản lý nhằm tạo ra môi trường xanh, sạch, đẹp.

Công tác phòng cháy chữa cháy được chú trọng và đảm bảo được huấn luyện, diễn tập thường xuyên theo định kỳ và theo chuyên đề, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hóa lẫn con người.

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định về số lượng, tốt về chất lượng, thường xuyên tổ chức huấn luyện chuyên môn, đào tạo và đào tạo lại cho phù hợp với thực tiễn sản xuất; Phân công công việc đúng với năng lực, trình độ mỗi người; thường xuyên rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, sử dụng hợp lý.

+ Với xã hội cộng đồng

Cùng với việc mở rộng sản xuất kinh doanh như mở rộng thêm bãi container, đầu tư vào các dự án, liên doanh, liên kết công ty đã tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội.

Công ty luôn duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa, nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBCNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của công ty.

5. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh, các yếu tố rủi ro luôn tồn tại, có thể gây ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của công ty. Chính vì vậy, công ty đã xác định danh sách các rủi ro trọng yếu và thường xuyên cập nhật, bổ sung thêm danh sách các rủi ro của đơn vị để có biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Các rủi ro	Biện pháp quản lý rủi ro
Mất khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ mối quan hệ tốt và liên lạc thường xuyên với khách hàng để kịp thời cập nhật những thay đổi, nhu cầu của khách hàng; - Xem xét mặt bằng giá cả thị trường để có mức điều chỉnh tăng/giảm giá phù hợp trong từng giai đoạn; - Liên tục cải tiến quy trình và đưa ra giải pháp dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng; - Phân tích đánh giá nguyên nhân mất khách hàng (nếu có) để rút kinh nghiệm trong việc giữ chân các khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.
Những thay đổi về quy định, chính sách từ cơ quan quản lý Nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật, phổ biến kịp thời quy định, chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước; - Cử cán bộ, CNV tham dự các khóa huấn luyện, cập nhật, phổ biến kiến thức về Luật, các Hiệp định, ... nhằm hiểu và thực hiện đúng, linh hoạt quy định, chính sách, chủ động cân đối, điều chỉnh chính sách của đơn vị.
Về môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết để

(thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, ...)	<p>lập phương án ứng phó;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước, ..; việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn lao động; - Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường; thường xuyên phối hợp với các cơ quan, ban ngành xây dựng kế hoạch Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường đồng thời tổ chức diễn tập định kỳ các tình huống giả định; - Ký hợp đồng các sản phẩm bảo hiểm phù hợp.
Thay đổi tỷ giá, lãi suất.	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thường xuyên và kịp thời chính sách, quy định mới; - Lập phương án dự phòng về thay đổi tỷ giá ngoại tệ, lãi suất; - Cử nhân sự tham gia các khóa đào tạo về chính sách, nghiệp vụ, dòng tiền.
Thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng hoàn thành hồ sơ bộ chứng từ thanh toán nhằm đẩy nhanh tiến độ lập hóa đơn thu tiền khách hàng; - Theo dõi, cập nhật tình hình công nợ thường xuyên để kịp thời nhắc nhở khách hàng chi trả các khoản đến hạn; - Quy định chặt chẽ, cụ thể với nhà cung cấp về thời hạn thanh toán sau khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán; Lập kế hoạch thu, chi phù hợp để luôn chủ động dòng tiền.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính

Dvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	850,367.01	974,773.66	114.63%
Doanh thu thuần	832,761.18	887,412.56	106.56%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	116,849.42	120,154.79	102.83%
Lợi nhuận khác	602.31	719.48	119.45%
Lợi nhuận trước thuế	117,451.73	120,874.27	102.91%
Lợi nhuận sau thuế	96,612.60	99,487.34	102.98%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	39.02%	37.89%	97.11%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.45	2.08
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.43	2.07
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.25	0.30
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.33	0.42
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11.31%	10.85%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16.22%	15.01%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	11.81%	10.90%

- Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt 917,067.68 triệu đồng đạt 99.61% kế hoạch cả năm 2018; so với cùng kỳ năm trước tăng 63,040.16 triệu đồng (tương đương tỷ lệ 7.38%). Tổng chi phí đạt 796.193.41 triệu đồng đạt 99.31% kế hoạch cả năm 2018, so với cùng kỳ năm trước tăng 59,617.62 triệu đồng (tương đương tỷ lệ 8.09%). Lợi nhuận sau thuế đạt 99,487.34 triệu đồng, đạt 101.04% kế hoạch cả năm 2018, so với cùng kỳ năm trước tăng 2,874.74 triệu đồng (tương đương tỷ lệ 2.98%). EPS đạt 3,911 đồng/CP.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
I	Hội đồng quản trị			
1	Ngô Minh Thuận	Chủ tịch HĐQT	15.592	0,07%
2	Nguyễn Văn Uẩn	PCT HĐQT (Giám đốc)	18.168	0,09%
3	Nguyễn Xuân Bình	TV HĐQT (Độc lập)	4.000	0,02%
4	Võ Đắc Thiệu	TV HĐQT (Độc lập)	26,053	0,12%
5	Đỗ Thanh Trường	TV HĐQT	14.424	0,07%
II	Ban Kiểm soát			
1	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	07	0%
2	Nguyễn Thị Nhu	KSV	0	0%
3	Phạm Kim Oanh	KSV	111,640	0,53%
III	Ban Giám đốc			

1	Lê Đặng Quỳnh Nghi	Phó Giám đốc	19.470	0,09%
2	Vũ Mạnh Lân	Phó Giám đốc	5.833	0,03%
3	Lê Văn Cường	Phó Giám đốc	03	0,00%
4	Đoàn Hải Tuấn	Phó Giám đốc	0	0,00%
5	Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	0	0,00%
IV	Kế toán trưởng			
1	Phạm Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	3.100	0,01%

- Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm thay đổi	Lý do
I	Hội đồng quản trị: Không thay đổi			
II	Ban kiểm soát: Không thay đổi			
III	Ban Giám đốc: Không thay đổi			
IV	Kế toán trưởng: Không thay đổi			

- Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2018) là 294 người, trong đó cơ cấu lao động có tay nghề theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ đại học, cao đẳng	184	62.6%
2	Trình độ trung cấp	14	4.7%
3	Trình độ sơ cấp chứng chỉ	91	31.0%
4	Trình độ lao động phổ thông	5	1.7%
II	Theo tính chất lao động		
1	Lao động trực tiếp	202	68.7%
2	Lao động gián tiếp	92	31.3%
III	Theo giới tính		
1	Nam	226	76.9%
2	Nữ	68	23.1%

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định về số lượng, tốt về chất lượng; phân công công việc phù hợp với năng lực, trình độ mỗi người;

thường xuyên rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng một cách hợp lý.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2018 công ty đã đầu tư tổng cộng: 130.33 triệu đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản: 123.08 triệu đồng (gồm các hạng mục lớn như đầu tư ICD Tân cảng Nhơn Trạch: 60.81 triệu đồng; xây trụ sở văn phòng: 58.13 triệu đồng); mua sắm thiết bị công nghệ: 7.25 triệu đồng.

- Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

Công ty liên doanh liên kết	Giá trị đầu tư (đồng)	Tỷ lệ năm giữ	Tăng giảm trong năm
CTCP Tân Cảng Bến Thành	54.000.000.000	36%	0
CTCP Tân Cảng 128 - Hải Phòng	33.120.000.000	36%	0
CTCP Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai	4.000.000.000	20%	0
Cty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn	10.000.000.000	20%	0
Tổng cộng	101.120.000.000		0

Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành:

Doanh thu, thu nhập thuần 2018: 246.26 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 35,2 tỷ đồng, EPS: 2,145 đồng/cp.

Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng

Doanh thu, thu nhập thuần 2018: 322.53 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 20.14 tỷ đồng, EPS: 2,014 đồng/cp.

Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai

Doanh thu, thu nhập thuần 2018: 88.77 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 2.97 tỷ đồng, EPS: 1,336 đồng/cp.

Công ty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn đang trong quá trình đầu tư xây dựng chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiến độ thi công chậm do vướng các thủ tục về đầu tư.

4. Cơ cấu cổ đông

a) Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/5/2018.

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
				(nghìn đồng)	
I	Cổ đông trong nước	1,765	18,075,357	180,753,570	86.30%
	Cổ đông tổ chức	36	12,636,219	126,362,190	60.33%
	Cổ đông cá nhân	1,729	5,439,138	54,391,380	25.97%
II	Cổ đông nước ngoài	49	2,868,536	28,685,360	13.70%
	Cổ đông tổ chức	13	2,718,409	27,184,090	12.98%
	Cổ đông cá nhân	36	150,127	1,501,270	0.72%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		1,814	20,943,893	209,438,930	100.00%

b) Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	10.681.440	51,00%
2	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	1.699.480	8,11%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2018 không có thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2018 không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Năm 2018 không có giao dịch các chứng khoán khác.

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác Cảng; khai thác Depot và xếp dỡ container cho nên chủ yếu sử dụng yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ và lưu giữ hàng hóa.

Công ty ban hành đầy đủ các quy trình liên quan đến khai thác Cảng; khai thác Depot và quy trình vận hành các trang thiết bị đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, cho nên hoạt động của công ty tác động đến môi trường và xã hội là không đáng kể.

6. Báo cáo phát triển bền vững

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Để vận hành các thiết bị chuyên dùng trong quy trình khai thác tại cảng,

Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh năm 2018, công ty đã sử dụng 1,095,507 Kwh điện và 952,410 lít dầu diesel phục vụ cho việc vận hành cầu và xe nâng. Việc sử dụng xăng, dầu về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc, ảnh hưởng tới môi trường. Ý thức được điều đó, công ty thường xuyên rà soát, đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và tính toán đề xuất chuyển một số thiết bị từ sử dụng xăng sang sử dụng điện.

6.3. Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể. Tổng kết năm 2018, lượng nước sử dụng của công ty (bao gồm cả lượng nước cung cấp cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty) là 12,220 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2018, công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Quân số đầu năm 294; quân số cuối năm 294
- Lương bình quân năm 2018 của NLD 21.7 triệu/người /tháng (cao hơn so với kế hoạch 9,59% và thực hiện năm 2017 là 7.37%)

* Thời gian làm việc:

- Công ty tổ chức làm việc 40 giờ/1 tuần. Chế độ làm việc theo ca áp dụng đối với bộ phận lao động trực tiếp (khối sản xuất). Chế độ làm việc theo giờ hành chính áp dụng đối với bộ phận lao động gián tiếp (khối cơ quan văn phòng).

* Quy định thời gian làm việc:

- Lao động làm theo giờ hành chính: Sáng từ 7h30' đến 11h30; Chiều từ 13h00' đến 17h00'.

- Đối với lao động trực tiếp sản xuất: Chỉ huy các đầu mối căn cứ vào tình hình thực tế của bộ phận để quy định thời gian đi ca, nghỉ giữa ca.

- Thời gian nghỉ giữa ca:

- Ca 1 : 11h30' đến 12h30'

- Ca 2 : 18h30' đến 19h00'
- Ca 3 : 23h00' đến 0h30'
- Thời gian nghỉ giữa ca được tính vào thời gian làm việc đối với người lao động làm việc liên tục 8h gồm :

- + 30' nếu làm việc ca 1, ca 2
- + 45' nếu làm việc ca 3.

* **Nghỉ lễ:**

- Tết dương lịch: 1 ngày (ngày 1 tháng 1 dương lịch)
- Tết âm lịch: 6 ngày (hai ngày cuối năm. 4 ngày đầu năm)
- Ngày giỗ Tổ Hùng Vương: 01 ngày (ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch)
- Ngày Chiến thắng: 01 ngày (ngày 30/4 dương lịch)
- Ngày Quốc tế lao động: 01 (ngày mùng 1 tháng 5 dương lịch)
- Ngày Quốc khánh: 01 ngày (ngày 2/9).

* **Nghỉ thai sản:** CB-CNV Công ty được nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng theo Bộ luật lao động và hưởng 06 tháng lương căn cứ đóng BHXH do Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp nuôi con 02 triệu đồng/tháng (căn cứ thời gian nghỉ thực tế nhưng không vượt quá quy định của Bộ luật lao động).

* **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc, nhà xưởng thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

* **Chính sách tuyển dụng**

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành trở lên, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để “thu phục nhân tài”, thu hút nhân

lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho công ty.

* Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

- Công ty hiện đang áp dụng quy chế trả lương theo từng bộ phận, trả lương phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi cán bộ, công nhân viên và nhiệm vụ của từng bộ phận, tập thể trong công ty (trả lương theo năng suất chất lượng hiệu quả công tác).

- Các hình thức trả lương, thưởng:

+ Lương sản phẩm trực tiếp: Trả lương trực tiếp cho người lao động căn cứ vào sản lượng thực hiện, có định mức về thời gian và đơn giá cho từng công việc cụ thể.

+ Lương thời gian: trên cơ sở ngày công thực tế, hệ số hoàn thành kế hoạch và chấp hành nội quy kỷ luật (Kcl), hệ số lương theo bảng phân tầng lương của công ty

- Thưởng cho cán bộ CNV, 6 tháng đầu năm và trả lương tháng 13, tiền thưởng các ngày Lễ lớn hàng năm .

- Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp, không sử dụng vào mục đích khác.

- Lãnh đạo công ty phối hợp với tổ chức Công đoàn cơ sở để xây dựng quy chế trả lương, Quy chế trả lương được phổ biến công khai đến từng người lao động trong công ty và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền giao đơn giá tiền lương.

- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được công ty trích nộp đúng đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật, hàng năm được cơ quan BHXH biểu dương.

- Điều kiện làm việc: nhân viên được làm việc môi trường văn phòng, nhà xưởng thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trước khi bắt đầu công việc, đội ngũ nhân viên mới đều phải trải qua các khóa đào tạo nhằm nắm rõ về tổ chức công ty và quy trình vận hành các dịch vụ. Ngoài ra, CBNV luôn được tạo cơ hội phát huy năng lực cá nhân, tham gia các

khóa học, khóa huấn luyện phù hợp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Trong năm 2018 công ty đã tổ chức nhiều chương trình huấn luyện, đào tạo phát triển kỹ năng để hỗ trợ người lao động đáp ứng tốt yêu cầu công việc cũng như phát triển sự nghiệp.

Trong năm 2018 công ty đã tổ chức tổng cộng 50 lớp huấn luyện, đào tạo; Tổng số học viên được huấn luyện, đào tạo: 1,750/lượt – người. Ngoài các chương trình huấn luyện đào tạo chung, công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí, khuyến khích người lao động tự nguyện đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.

Tổng chi phí cho hoạt động huấn luyện, đào tạo người lao động trong năm 2018 là 449,254 triệu đồng, (trong đó TCT Tân Cảng Sài Gòn – công ty mẹ hỗ trợ huấn luyện, đào tạo người lao động của công ty TCL: 108,921 triệu đồng)

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty còn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty. Công ty thường xuyên duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của công ty và CBCNV công ty với xã hội và cộng đồng.

Trong năm 2018 công ty đã chi cho các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo số tiền 466,3 triệu đồng và phát động cán bộ CNV công ty đóng góp 02 ngày lương Doanh nghiệp vào Quỹ "Xã hội từ thiện" của TCT Tân Cảng Sài Gòn, với tổng số tiền thu được, góp vào quỹ: 285,81 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra. Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt: 917,067.68 triệu đồng đạt 99.61% kế hoạch cả năm 2018; so với cùng kỳ năm trước tăng 63,040.16 triệu đồng (tương đương tỷ lệ 7.38%). Lợi nhuận sau thuế đạt 99,487.34 triệu đồng, tăng 2,874.74 triệu đồng (tương đương tăng 2.98%) so với cùng kỳ năm trước và đạt 101.04% kế hoạch cả năm 2018. Trong năm 2018 không có những thay đổi/ biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận; chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay

không hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của công ty.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nâng cao CLDV, giữ vững thị phần, tiếp tục khai thác có hiệu quả ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, Depot Mỹ Thủy, Depot 6, Bến 125 ..., đơn đốc đẩy nhanh tiến độ Dự án ESL, mở rộng khu D (Depot 6) và ICD TCNT; đưa tòa nhà Văn phòng 12 tầng trên đường Đồng Văn Cống – Quận 2 đi vào hoạt động; đầu tư xây thêm 5.000 m² kho tại ICD TC-NT đưa vào khai thác; hoàn thiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ; giảm thời gian giao nhận tại Depot TCMT, ICD TCNT; Thực hiện dịch vụ vận chuyển trọn khâu cho các khách hàng của SNPL qua ICD TCNT và ngược lại; chuẩn bị đầy đủ các bước công việc để thực hiện dịch vụ đóng/rút hàng lạnh tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy; Thực hiện hiệu quả chủ trương “Phát triển hài hoà, tăng trưởng bền vững”, triển khai các chính sách linh hoạt, hiệu quả có tính đột phá trong quan hệ với khách hàng; tăng cường hoạt động sales, marketing theo hướng tập trung để tăng năng lực cạnh tranh, chất lượng dịch vụ toàn hệ thống.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017	Tỷ trọng	2018	Tỷ trọng	% tăng/giảm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	389.77	45.84%	425.72	43.67%	109.22%
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.46	17.81%	131.21	13.46%	86.63%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.50	7.00%	79.10	8.11%	132.94%
Các khoản phải thu ngắn hạn	175.47	20.63%	212.32	21.78%	121.00%
Hàng tồn kho	3.17	0.37%	2.18	0.22%	68.91%
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.02%	0.91	0.09%	532.53%
TÀI SẢN DÀI HẠN	460.60	54.16%	549.05	56.33%	119.21%
Các khoản phải thu dài hạn	13.33	1.57%	17.33	1.78%	130.01%
Tài sản cố định	267.10	31.41%	334.52	34.32%	125.25%
Tài sản dở dang dài hạn	9.85	1.16%	32.43	3.33%	329.25%
Đầu tư tài chính dài hạn	135.60	15.95%	135.60	13.91%	100.00%
Tài sản dài hạn khác	34.72	4.08%	29.17	2.99%	84.02%
TỔNG TÀI SẢN	850.37	100.00%	974.77	100.00%	114.63%

Trong năm, tổng tài sản tăng 14.63% tương ứng tăng 124.41 tỷ đồng. Trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 9.22%, tương ứng tăng 35.95 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 19.21%, tương ứng tăng 88.46 tỷ đồng. Công ty đã đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng tòa nhà văn phòng.

b) Tình hình nợ phải trả.

Chỉ tiêu	2017	Tỷ trọng	2018	Tỷ trọng	% tăng/giảm
I. Nợ ngắn hạn	159.04	75.81%	204.35	70.47%	128.49%
Phải trả người bán ngắn hạn	100.98	48.14%	126.76	43.71%	125.53%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	0.36	0.17%	0.16	0.06%	45.75%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.66	2.22%	8.61	2.97%	184.78%
Phải trả người lao động	15.03	7.16%	15.13	5.22%	100.64%
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	0.00%	10.41	3.59%	#DIV/0!
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0.65	0.31%	1.18	0.41%	180.56%
Phải trả ngắn hạn khác	24.44	11.65%	26.97	9.30%	110.35%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.00	3.81%	6.70	2.31%	83.78%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.92	2.34%	8.43	2.91%	171.48%
II. Nợ dài hạn	50.74	24.19%	85.63	29.53%	168.75%
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.32	1.11%	3.60	1.24%	155.16%
Phải trả dài hạn khác	27.65	13.18%	37.76	13.02%	136.56%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.77	9.90%	44.27	15.27%	213.12%
Tổng nợ	209.78	100.00%	289.97	100.00%	138.23%

Trong năm, tổng nợ tăng 138.23% tương ứng tăng 80.2 tỷ đồng. Trong đó, Nợ ngắn hạn tăng 28.49%, tương ứng tăng 45.31 tỷ đồng, chủ yếu là tăng khoản phải trả người bán (tăng 25.78 tỷ đồng). Nợ dài hạn tăng 68.75%, tương ứng tăng 34.89 tỷ đồng. Trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 9.22%, tương ứng tăng 35.95 tỷ đồng, chủ yếu là tăng khoản vay dài hạn Ngân hàng để đầu tư dự án nhà văn phòng (tăng 23.5 tỷ đồng). Tình hình thanh khoản công ty tốt (Hệ số thanh toán ngắn hạn 2.08 lần), không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tháng 12/2018 sáp nhập Đội thu ngân thuộc P. TCKT về Đội phát hành chứng từ thuộc P. KHKD để tiết giảm, không phát sinh nhân sự cũng như quản lý thống nhất, phù hợp với nhiệm vụ SXKD, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ tại Depot TCMT.

Công ty chủ trương tăng cường hình thức kiêm nhiệm theo phương châm

“một người giỏi một việc, làm tốt nhiều việc” để tăng thu nhập cho người lao động và mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp trong cắt giảm chi phí lương, thưởng, tinh giản bộ máy TCBC.

Công ty thường xuyên cập nhật các ứng dụng về CNTT với các phần mềm chuyên ngành nhằm đồng bộ và chuyên nghiệp hóa đội ngũ CBCNV để nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu chi phí nhân công. Trong tháng 12 năm 2018 đã đưa vào vận hành phần mềm quản lý nhân sự (HRM) áp dụng theo toàn TCT.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tập trung phát triển ICD Tân Cảng Nhơn Trạch là một mắt xích quan trọng đóng vai trò trung chuyển hàng hóa xuất nhập tàu giữa các cảng Cái Mép, Hiệp Phước và Cát Lái; là trung tâm lưu giữ và phân phối hàng hóa khu vực Đồng Nai, BR-VT, TP. HCM.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng dịch vụ, triển khai dịch vụ giao nhận vận chuyển trọn gói cho khách hàng tại khu vực Nhơn Trạch.

Tiếp tục duy trì và khai thác hiệu quả các mảng dịch vụ truyền thống: xếp dỡ container trong bãi, bến sà lan, cầu tàu; khai thác Depot container; dịch vụ đóng rút hàng,...

Chú trọng công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng lao động trẻ của công ty cũng như việc tuyển dụng lao động chất lượng cao nhằm tạo nguồn nhân lực cho các dự án phát triển trong tương lai; ứng dụng thành tựu công nghệ 4.0 vào công tác quản trị doanh nghiệp và điều hành sản xuất.

Tập trung tìm kiếm, nghiên cứu các dự án khai thác kho, bãi có tính khả thi cao để đầu tư; phối hợp với trung tâm logistics của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn từng bước chiếm lĩnh thị phần logistics tại khu vực phía Nam.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải).

Công ty không gia công sản phẩm trực tiếp, không có khí thải hoặc nước thải công nghiệp. Khí thải do các phương tiện cơ giới hoạt động xả ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn cho phép của Việt Nam (tương đương EURO 3 trở lên).

Khu vực hàng IMDG đã được đầu tư hệ thống PCCC và Bảo vệ môi trường theo yêu cầu của các Cơ quan chức năng quản lý Nhà nước (Sở CS PCCC, Sở Công thương).

Rác thải, nước thải công nghiệp: thu gom, xử lý đúng quy định, quy trình

chung trong hệ thống toàn Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động năm 2018

Nhìn chung, tình hình TCBC, nhân sự của công ty trong năm 2018 ổn định, không có nhiều thay đổi. Trong năm 2018 thực hiện TCBC theo phê duyệt của Tổng công ty vẫn giữ nguyên quân số theo kế hoạch, năng suất lao động thực hiện tăng hơn kế hoạch 1.2% dẫn đến thu nhập bình quân tăng so với kế hoạch và cơ bản được đảm bảo so với mặt bằng chung của TCT, người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với công ty.

Chất lượng lao động của công ty hiện nay đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện tại. Công ty có chính sách thu hút lao động giỏi và có một quy trình tuyển dụng chặt chẽ nhằm nâng cao chất lượng lao động phục vụ cho mục tiêu phát triển của công ty. Các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ cho người lao động cũng được công ty chú trọng quan tâm nhằm động viên tinh thần làm việc và cũng là động lực để giữ chân người lao động, đặc biệt là những lao động giỏi.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa với cộng đồng địa phương tại các địa bàn hoạt động của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2018 công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra. Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt: 917,067.68 triệu đồng đạt 99.61% kế hoạch cả năm 2018; so với cùng kỳ năm trước tăng 63,040.16 triệu đồng (tương đương tỷ lệ 7.38%). Lợi nhuận sau thuế đạt 99,487.34 triệu đồng, tăng 2,874.74 triệu đồng (tương đương tăng 2.98%) so với cùng kỳ năm trước và đạt 101.04% kế hoạch cả năm 2018.

Để đạt được những thành tích như trên là nhờ những chính sách quản lý và điều hành phù hợp của ban lãnh đạo công ty, cùng với sự nỗ lực không ngừng của toàn bộ CBCNV trong công ty.

Nhìn chung, năng lực nhân viên và quy trình khai thác của công ty đã đi vào giai đoạn ổn định và hiệu quả. Quy trình khai thác được phổ biến rộng rãi không chỉ trong nội bộ công ty mà còn được công bố rộng rãi đến khách hàng, tạo thuận lợi cho khách hàng sử dụng dịch vụ.

Thế mạnh về công nghệ được tận dụng triệt để tạo nhiều thuận lợi cho khách

hàng trong việc tìm kiếm container phù hợp, theo dõi hàng hóa của khách hàng thông qua hệ thống Internet.

Công ty thường xuyên duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo, trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hoá của công ty.

Công ty ban hành đầy đủ các quy trình liên quan đến khai thác Cảng; khai thác Depot và quy trình vận hành các trang thiết bị đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, cho nên hoạt động của công ty tác động đến môi trường và xã hội là không đáng kể.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Trong năm 2018, Ban Giám đốc đã triển khai tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT. Ban Giám đốc định kỳ mỗi quý báo cáo đánh giá sát thực tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của quý trước và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo để báo cáo HĐQT.

Trong năm 2018, Ban Giám đốc công ty đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; kịp thời ban hành các quy trình, quy định nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khai thác Depot, dịch vụ đóng rút hàng; đề ra các giải pháp chính sách thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ đóng rút hàng tại bến 125, và ICD Tân Cảng Nhơn Trạch; tiếp tục triển khai các giải pháp khoán lương, thưởng nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động.

Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Qua các đợt kiểm tra, kiểm toán, đơn vị được đánh giá hoạt động hiệu quả, nền tài chính lành mạnh, nguồn vốn luôn được bảo toàn phát triển. Nội bộ đơn vị đoàn kết, ổn định; người lao động yên tâm công tác.

Ban điều hành linh hoạt trong việc điều hành, quy hoạch bến, bãi tăng dung lượng chứa container, giảm sản lượng đảo chuyển đụn bãi, góp phần giảm chi phí và tăng lợi nhuận cho công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đẩy mạnh tiếp thị khách hàng, đầu tư cho Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch nhằm thu hút hoạt động giao nhận vận chuyển trọn gói cho khách hàng tại khu vực Nhơn Trạch.

Tập trung chỉ đạo, định hướng chiến lược cho hoạt động của dự án hợp tác khai thác Cảng Khu công nghiệp Cát Lái sớm mang lại hiệu quả và góp phần giảm tải cho Cảng Cát Lái.

Khai thác hiệu quả các mảng dịch vụ truyền thống: xếp dỡ container trong bãi, bến sà lan, cầu tàu; khai thác Depot container; dịch vụ đóng rút hàng,...

Chú trọng công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng lao động của công ty cũng như việc tuyển dụng lao động chất lượng cao nhằm tạo nguồn nhân lực cho các dự án phát triển trong tương lai.

Tập trung tìm kiếm, nghiên cứu các dự án khai thác kho, bãi có tính khả thi cao để đầu tư.

Ứng dụng thành tựu của công nghệ 4.0 vào quản trị doanh nghiệp và số hóa doanh nghiệp.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

- Cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	SL CP/tỷ lệ sở hữu	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Ngô Minh Thuận	Chủ tịch HĐQT	15.592	04
2	Ông Nguyễn Văn Uẩn	PCT HĐQT	18.168	03
3	Ông Võ Đắc Thiệu	Ủy viên HĐQT	26,053	02
4	Ông Đỗ Thanh Trường	Ủy viên HĐQT	14.424	01
5	Ông Nguyễn Xuân Bình	Ủy viên HĐQT	4.000	0

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban, tuy nhiên HĐQT đã phân công ông Nguyễn Xuân Bình - Thành viên HĐQT độc lập phụ trách, giám sát về tiền lương, thưởng, thu nhập, nhân sự của công ty.

Năm 2018, Hội đồng quản trị công ty tổ chức 7 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2018):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 18/NQ-HĐQT	24/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 4 và cả năm 2017. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 1 năm 2018. - Thông qua kết quả đầu tư quý 4 và cả năm 2017. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 1 năm 2018. - Hội đồng quản trị Chấp thuận thông qua việc ký kết các hợp

			<p>đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với các công ty mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT; Ban kiểm soát; Ban Giám đốc của công ty đồng thời là thành viên HĐQT/HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc của các công ty đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn. - Thông qua việc TCL ứng trước tiền giải phóng mặt bằng dự án 15 ha Tân Cảng Nhơn Trạch và được khấu trừ vào tiền thuê cơ sở hạ tầng của TCT Tân Cảng Sài Gòn. - Thông qua báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2017. - Thông qua Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản, hàng hoá, sửa chữa công trình và sửa chữa trang thiết bị của công ty.
2	Số: 93/NQ-HĐQT	06/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc đầu tư xây kho 5.000 m² tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (điều chỉnh nội dung đầu tư kho cho khách hàng thuê đã thông qua tại phiên họp HĐQT ngày 09/01/2017 diện tích từ 3.000m² lên 5.000m²; thời gian triển khai từ quý 1/2018 thay vì từ tháng 7/2019).
3	Số: 132/NQ-HĐQT	23/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
4	Số: 225/NQ-HĐQT	23/4/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua qua kết quả SXKD quý 1 năm 2018. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 2 năm 2018. - Thông qua kết quả đầu tư quý 1 năm 2018. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 2 năm 2018. - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2017, với tỷ lệ là 18% (Mười tám phần trăm) trên vốn điều lệ. - Thông qua chủ trương về việc thanh lý 02 xe ô tô con cũ và mua mới 02 xe thay thế. - Thông qua việc chuyển nhượng bến sà lan 75 TEUs tại cảng TCCT.
5	Số: 282/NQ-HĐQT	24/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc đầu tư khoảng 3.000 m² đường bãi quanh khu vực kho 5.000 m² tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch. - Thông qua việc đầu tư 04 khung chụp container (02 khung chụp 20' và 02 khung chụp 40').
6	Số: 350/NQ-HĐQT	17/7/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 2 và 6 tháng đầu năm 2018. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 3 năm 2018. - Thông qua kết quả đầu tư quý 2 và 6 tháng đầu năm 2018. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 3 năm 2018. - Thông qua việc cơ cấu lại Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân

			<p>Cảng Đồng Nai: tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng, trong đó Cty TCL góp thêm 21 tỷ đồng (tăng phần vốn góp từ 04 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng; tăng tỷ lệ vốn góp từ 20% lên 50% trên vốn điều lệ).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh TP. Hà Nội là đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018. - Thông qua việc Cty TCL thiết kế, thi công nội thất văn phòng và mua sắm trang thiết bị văn phòng (di chuyển văn phòng từ cổng Nguyễn Thị Định Cảng Cát Lái ra tòa nhà của hợp doanh TCL – Hoa Tiêu và Union One). - Thông qua việc triển khai đầu tư tuyến đường kết nối trực tiếp từ ICD TCNT ra đường Quách Thị Trang; thiết kế, thi công cổng gate in/out; xây văn phòng làm việc cho CB CNV ICD và Đội Nghiệp vụ 2 Hải quan ra phía cổng mới.
7	Số: 454/NQ- HĐQT	18/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2018. - Thông qua kế hoạch SXKD quý 4 năm 2018. - Thông qua kết quả đầu tư quý 3 và 9 tháng đầu năm 2018. - Thông qua kế hoạch đầu tư quý 4 năm 2018. - Thông qua việc giao cho Giám đốc công ty đàm phán, thỏa thuận bồi thường cho các khách hàng trong vụ việc mua lớn ngày 24/9/2018 gây ngập line X11 bên 125 Cảng Cát Lái trên cơ sở theo quy định của pháp luật. - Thông qua việc giao cho Giám đốc công ty đàm phán hợp tác với hãng tàu Hapag Lloyd khai thác container rỗng tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy, dự kiến diện tích từ 2 ha đến 3 ha. Thời gian hợp tác dự kiến 5 năm. - Thông qua chủ trương nâng cấp 7000 m² bãi và đầu tư trang thiết bị tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy để triển khai đóng hàng lạnh và giảm tải container rỗng lạnh Cảng Cát Lái.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Có chứng chỉ đào tạo về QTCT	Tham gia các chương trình về QTCT
1	Ông Ngô Minh Thuận	CT HĐQT		x
2	Ông Nguyễn Văn Uẩn	PCT HĐQT (kiêm Giám đốc)		x
3	Ông Võ Đắc Thiệu	Thành viên HĐQT (Độc lập)		x
4	Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT (Độc lập)	x	
5	Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên HĐQT	x	

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	(07 CP) 0%
2	Nguyễn Thị Nhu	KSV	(0 CP) 0%
3	Phạm Kim Oanh	KSV	(111,640 CP) 0.53%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và tổ chức họp BKS định kỳ 6 tháng 01 lần. Trong năm 2018, BKS đã tổ chức họp 02 lần.

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện triển khai các nội dung công việc chủ yếu sau:

– Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư, kiểm tra thực hiện chế độ chính sách cho người lao động của công ty.

– Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của công ty.

– Tham gia ý kiến sửa đổi điều lệ công ty, rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.

– Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

– Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm. Xem xét tính hợp lý của các quy định và quy trình luân chuyển chứng từ kế toán.

– Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm : Nghĩa vụ thuế, Bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác).

– Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin và chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến các TV. HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

– Tham dự và có ý kiến của Ban kiểm soát tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Họ và tên	HDQT, BGD, BKS				
		Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
A	Hội đồng quản trị					
1	Ngô Minh Thuận	CT HĐQT	-	96.00	174.88	270.88
2	Nguyễn Văn Uẩn	PCT Kiểm Giám đốc	965.89	78.00	174.88	1,218.77
3	Đỗ Thanh Trường	TV HĐQT	-	60.00	112.43	172.43
4	Võ Đắc Thiệu	TV HĐQT	-	60.00	112.43	172.43
5	Nguyễn Xuân Bình	TV HĐQT	-	60.00	112.43	172.43
B	Ban Giám đốc					
1	Lê Đặng Quỳnh Nghi	Phó Giám đốc	764.82		112.43	877.25
2	Vũ Mạnh Lân	Phó Giám đốc	679.44		112.43	791.87
3	Lê Văn Cường	Phó Giám đốc	289.19		112.43	401.62
4	Đoàn Hải Tuấn	Phó Giám đốc			117.15	117.15
5	Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	602.76		46.84	649.60
C	Ban Kiểm soát					
1	Vũ Thị Lan Anh	Trưởng Ban kiểm soát	-	60.00	112.43	172.43
2	Nguyễn Thị Nhu	TVBKS, Kiểm TP TCLĐTL	514.83	30.00	56.21	601.04
3	Phạm Kim Oanh	TV BKS	-	30.00	74.95	104.95
D	TP. TCKT – Kế toán trưởng					
1	Phạm Thị Hồng Thắm	TP. TCKT – KKTT	512,97	18.00	74.95	605.92
	TỔNG CỘNG		4,329.90	492.00	1,506.87	6,328.77

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Võ Đắc Thiệu	Người nội bộ (TV. HĐQT)	3	0%	26,053	0,124%	Mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (giao dịch giữa công ty với các công ty mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT; Ban kiểm soát; Ban Giám đốc của công ty đồng thời là thành viên HĐQT/HĐQT; Ban kiểm soát; Ban giám đốc của các công ty đó).

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Quan hệ với công ty
1	Cty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
2	Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
3	Công ty cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
4	Công ty cổ phần Vận Tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
5	Công ty cổ phần Tân Cảng 128 Hải Phòng	Công ty liên kết
6	Công ty cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
7	Công ty cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
8	Công ty cổ phần Cát Lái – Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
9	Công ty cổ phần Vận tải biển Tân Cảng	
10	Công ty cổ phần Đầu tư & Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	
11	Công ty cổ phần Cảng Cát Lái	
12	Công ty cổ phần Giang Nam Logistics	

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

**XÁC NHẬN CỦA
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Nguyễn Văn Uẩn

Số: 2.0120/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 5 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2019

Vũ Minh Khôi – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		425.719.040.827	389.771.986.179
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	131.210.242.209	151.464.863.806
1. Tiền	111		2.810.242.209	16.064.863.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		128.400.000.000	135.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		79.100.000.000	59.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	79.100.000.000	59.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		212.315.507.484	175.466.638.556
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	204.461.208.811	144.983.378.384
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.737.560.443	30.026.561.740
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.253.924.899	593.885.101
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(137.186.669)	(137.186.669)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.184.242.875	3.169.780.396
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.184.242.875	3.169.780.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		909.048.259	170.703.421
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		909.048.259	170.703.421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		549.054.620.404	460.595.023.060
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.330.000.000	13.330.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	17.330.000.000	13.330.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		334.524.460.223	267.095.993.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	308.050.588.961	240.010.161.370
<i>Nguyên giá</i>	222		762.107.595.531	646.049.739.159
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(454.057.006.570)	(406.039.577.789)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	26.473.871.262	27.085.831.880
<i>Nguyên giá</i>	228		28.571.911.391	28.346.122.391
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.098.040.129)	(1.260.290.511)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	32.427.239.550	9.848.674.187
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.427.239.550	9.848.674.187
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		135.599.480.000	135.599.480.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	101.120.000.000	101.120.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	34.479.480.000	34.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.173.440.631	34.720.875.623
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	29.173.440.631	34.720.875.623
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		974.773.661.231	850.367.009.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		289.974.609.317	209.776.984.587
I. Nợ ngắn hạn	310		204.348.819.379	159.036.208.449
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	126.755.243.609	100.979.180.886
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	164.625.200	359.874.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.605.686.601	4.657.220.427
4. Phải trả người lao động	314		15.125.282.600	15.028.755.916
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	10.414.449.970	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	1.181.818.188	654.545.460
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	26.971.333.253	24.442.693.244
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	6.700.634.922	7.998.202.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	8.429.745.036	4.915.736.516
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		85.625.789.938	50.740.776.138
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	3.596.969.684	2.318.181.812
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	37.757.648.000	27.650.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	44.271.172.254	20.772.594.326
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

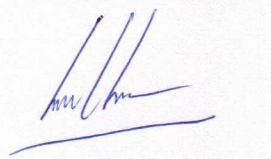
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		684.799.051.914	640.590.024.652
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	684.799.051.914	640.590.024.652
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.438.930.000	209.438.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.438.930.000	209.438.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		118.514.912.134	108.566.178.224
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		336.133.083.442	301.872.790.090
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		263.723.782.690	301.872.790.090
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72.409.300.752	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		974.773.661.231	850.367.009.239

Lập, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Việt Hải



Phạm Thị Hồng Thắm



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	887.412.561.079	832.761.179.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		887.412.561.079	832.761.179.362
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	735.638.067.319	677.842.240.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		151.774.493.760	154.918.938.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	26.071.607.293	20.639.368.690
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.139.608.170	4.217.106.741
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.139.608.170	4.217.105.107
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.594.336.006	10.621.042.982
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	45.957.364.803	43.870.734.958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		120.154.792.074	116.849.422.970
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.583.513.053	626.972.831
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.864.035.521	24.664.373
13. Lợi nhuận khác	40		719.477.532	602.308.458
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		120.874.269.606	117.451.731.428
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		21.386.930.524	20.839.134.979
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		99.487.339.082	96.612.596.449
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.911	4.126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	3.911	4.126

Lập, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Lê Việt Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		120.874.269.606	117.451.731.428
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	60.014.446.823	59.768.290.417
- Các khoản dự phòng	03		-	19.235.465
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(15.355)	1.634
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29.571.576.256)	(21.040.277.553)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.139.608.170	4.217.105.107
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		153.456.732.988	160.416.086.498
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(66.434.138.573)	105.142.553.212
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		985.537.521	914.308.917
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.691.257.952	13.122.915.955
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.547.434.992	6.422.019.446
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.139.608.170)	(4.217.105.107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.246.826.433)	(28.550.555.659)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		150.000.000	30.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.115.295.900)	(10.050.321.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		94.895.094.377	243.229.901.460
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(109.771.965.055)	(53.363.384.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.500.000.000	545.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.600.000.000)	(55.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	30.858.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.071.576.256	19.636.823.008
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(99.800.388.799)	(67.323.107.305)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	42.295.109.936		-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(20.094.099.086)	(45.520.251.238)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.550.353.380)	(31.234.293.100)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.349.342.530)	(76.754.544.338)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(20.254.636.952)	99.152.249.817	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	151.464.863.806	52.312.615.623	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		15.355	(1.634)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	131.210.242.209	151.464.863.806	

Lập, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Lê Việt Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Dịch vụ cảng biển	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	20,00%	20,00%	20,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 291 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 311 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí xây dựng

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rộng (depot) được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Chi phí hệ thống phòng cháy chữa cháy

Chi phí đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	5

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 39 năm 8 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	18.273.846	126.753.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.791.968.363	15.938.110.484
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	128.400.000.000	135.400.000.000
Cộng	131.210.242.209	151.464.863.806

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	101.120.000.000			101.120.000.000		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	54.000.000.000			54.000.000.000		
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	33.120.000.000			33.120.000.000		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.000.000.000			4.000.000.000		
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn ^(iv)	10.000.000.000			10.000.000.000		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34.479.480.000			34.479.480.000		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ^(v)	14.666.980.000	25.776.093.050		14.666.980.000		28.286.837.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái ^(vi)	11.812.500.000	29.700.000.000		11.812.500.000		35.083.125.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Hạ Tầng Á Châu ^(vii)	1.600.000.000			1.600.000.000		
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép ^(viii)	6.400.000.000			6.400.000.000		
Cộng	135.599.480.000			135.599.480.000		

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành 54.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số 0200870931 thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng 33.120.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số 3603266982 ngày 05 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai 4.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0314745980 ngày 20 tháng 11 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn 10.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.
- (v) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã ủy thác cho Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với giá trị 14.666.980.000 VND tương ứng với 1.325.249 cổ phần. (Số đầu năm là 14.666.980.000 VND, tương ứng 1.113.655 cổ phần. Số cổ phần tăng trong năm là 211.594 cổ phần, do được chia cổ tức bằng cổ phiếu).
- (vi) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái với giá trị 11.812.500.000 VND tương ứng với 1.237.500 cổ phần, tương đương 3,64% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này không phát sinh tăng, giảm trong năm.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3500822042 thay đổi lần thứ 05 ngày 31 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu 1.600.000.000 VND (160.000 cổ phiếu), tương đương 8% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 3501624452 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép (được tách ra từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu) 6.400.000.000 VND (640.000 cổ phiếu), tương đương 8% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ số vốn cam kết góp.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	5.081.371.488	4.876.187.164
Công ty liên kết chia cổ tức	4.693.992.877	1.754.117.916
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Công ty liên kết chia cổ tức	9.720.000.000	9.720.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	4.560.894.692	256.163.737

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	165.278.072.355	134.717.249.251
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	8.467.992.108	8.547.992.108
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		
Công ty liên kết chia cổ tức		600.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.532.499.756	2.674.375.997
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	53.431.211.663	54.251.192.776
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	2.116.998.026	2.136.998.026
Công ty liên kết rút vốn hợp tác kinh doanh		1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn		
Góp vốn vào Công ty liên kết		10.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	180.155.898.737	124.365.282.081
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	175.767.699.816	120.375.077.622
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	898.752.950	475.569.950
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		942.431.368
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	26.880.000	4.800.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	26.204.200	1.304.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	4.560.000	24.570.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	2.328.961.930	2.160.940.598
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng		33.800.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		116.670.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	148.221.700	59.870.800
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	931.080.535	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực		2.259.950
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container lạnh Tân Cảng	23.537.606	21.477.220
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		146.509.973
Phải thu các khách hàng khác	24.305.310.074	20.618.096.303
Cộng	204.461.208.811	144.983.378.384
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan		9.275.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		9.275.000.000
Trả trước cho các người bán khác	5.737.560.443	20.751.561.740
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Vân	456.886.933	12.671.541.720
Công ty Cổ phần Xây Dựng-Vận Tải Số Chín	4.635.000.000	
Công ty Cổ phần Nội Thất Đông Sài Gòn	569.673.510	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex tại thành phố Hà Nội		5.902.087.240
Các nhà cung cấp khác	76.000.000	2.177.932.780
Cộng	5.737.560.443	30.026.561.740

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.253.924.899		593.885.101	
Công ty Đầu Tư và Dịch vụ Hạ Tầng Á Châu	375.000.000		375.000.000	
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i>	375.000.000		375.000.000	
Phải thu tiền hợp đồng nhà văn phòng	466.754.844			
Thu chi hộ	424.309.500			
Tạm ứng	761.387.624		93.105.872	
Ký cược, ký quỹ	50.000.000		10.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	176.472.931		115.779.229	
Cộng	2.253.924.899		593.885.101	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	17.330.000.000		13.330.000.000	
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000		30.000.000	
Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL	2.000.000.000			
Đặt cọc tiền thuê đất	15.300.000.000		13.300.000.000	
<i>Bà Bùi Thị Nở</i>	300.000.000		300.000.000	
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang</i>	15.000.000.000		13.000.000.000	
Cộng	17.330.000.000		13.330.000.000	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu khách hàng</i>		137.186.669		137.186.669	
Công ty Cổ phần An Xuyên	Trên 3 năm	65.268.450		65.268.450	
Công ty TNHH MTV Giao nhận Thương mại Khải Gia	Trên 3 năm	64.118.219		64.118.219	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tạp phẩm Sài Gòn	Trên 3 năm	7.800.000		7.800.000	
Cộng		137.186.669		137.186.669	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	137.186.669	117.951.204
Trích lập dự phòng bổ sung		19.235.465
Số cuối năm	137.186.669	137.186.669

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Là nguyên liệu, vật liệu tồn kho.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây dựng bến gao	60.717.293	159.720.582
Chi phí đầu tư Depot Tân Cảng Mỹ Thủy	3.455.806.644	1.733.311.303
Chi phí đầu tư Tân Cảng Nhơn Trạch	22.887.542.164	27.481.892.450
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí thuê cơ sở hạ tầng</i>	<i>22.397.727.256</i>	<i>26.877.272.716</i>
Hệ thống phòng cháy chữa cháy khu IMO Depot 6	1.660.596.261	4.701.986.433
Chi phí dự án mở rộng các hạng mục nhà khách quân cảng	428.311.511	643.964.855
Chi phí lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin văn phòng TCL	680.466.758	
Cộng	<u>29.173.440.631</u>	<u>34.720.875.623</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	123.887.221.883	510.966.674.631	9.218.943.553	1.574.316.190	402.582.902	646.049.739.159	
Mua trong năm		6.269.349.818	1.838.954.546	425.297.400	80.000.000	8.736.601.764	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	116.931.840.685	1.548.682.347				118.480.523.032	
Thanh lý, nhượng bán	(9.967.742.069)	(1.191.526.355)				(11.159.268.424)	
Số cuối năm	230.851.320.499	517.593.180.441	11.057.898.099	1.999.613.590	80.000.000	525.582.902	762.107.595.531
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	631.963.803	147.536.739.918	7.237.723.326	406.268.090		103.082.902	155.915.778.039
Chờ thanh lý							
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	49.487.660.018	347.481.147.172	8.053.188.072	903.565.394		114.017.133	406.039.577.789
Khấu hao trong năm	19.483.674.073	38.633.109.147	594.504.008	404.614.847	3.555.555	57.239.575	59.176.697.205
Thanh lý, nhượng bán	(9.967.742.069)	(1.191.526.355)					(11.159.268.424)
Số cuối năm	59.003.592.022	384.922.729.964	8.647.692.080	1.308.180.241	3.555.555	171.256.708	454.057.006.570
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	74.399.561.865	163.485.527.459	1.165.755.481	670.750.796		288.565.769	240.010.161.370
Số cuối năm	171.847.728.477	132.670.450.477	2.410.206.019	691.433.349	76.444.445	354.326.194	308.050.588.960
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng							
Đang chờ thanh lý							

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 125.467.207.421 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.991.682.391	354.440.000	28.346.122.391
Mua trong năm		225.789.000	225.789.000
Số cuối năm	27.991.682.391	580.229.000	28.571.911.391
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		150.000.000	150.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	999.702.935	260.587.576	1.260.290.511
Khấu hao trong năm	705.672.660	132.076.958	837.749.618
Số cuối năm	1.705.375.595	392.664.534	2.098.040.129
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	26.991.979.456	93.852.424	27.085.831.880
Số cuối năm	26.286.306.796	187.564.466	26.473.871.262
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; nguồn gốc sử dụng là Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	467.000.000	8.495.390.764	(8.962.390.764)		
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	9.381.674.187	141.730.736.577	(118.480.523.032)	(204.648.182)	32.427.239.550
Hạng mục Công trình nhà văn phòng	4.281.181.831	75.736.787.050	(80.017.968.881)		
Hạng mục trang thiết bị văn phòng TCL		2.309.554.777			2.309.554.777
Hạng mục chi phí thăm tra Dự án di dời kho xăng dầu	1.088.341.241	728.050.864		(204.648.182)	1.611.743.923
Hạng mục bến xuất nhập xăng dầu	4.012.151.115	1.063.058.885	(5.075.210.000)		
Hạng mục Nhà vệ sinh Hải quan		161.320.000	(161.320.000)		
Hạng mục Kho hàng GD2 - ICD Tân Cảng Nhơn trạch		15.319.716.321	(15.319.716.321)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình đường bãi quanh Kho hàng GD2 - ICD Tân Cảng Nhơn Trạch		2.631.922.940	(2.631.922.940)		
Hạng mục thiết bị cầu bờ		28.505.940.850			28.505.940.850
Hạng mục Công trình thi công trạm biến áp 1X1250KVA		1.548.682.347	(1.548.682.347)		
Hạng mục kho xăng dầu và hệ thống công nghệ - di dời kho xăng dầu Vùng 2		13.725.702.543	(13.725.702.543)		
	9.848.674.187	150.226.127.341	(127.442.913.796)	(204.648.182)	32.427.239.550

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	82.959.465.615	57.621.090.416
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	179.296.300	78.546.900
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	262.379.132	
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	3.071.519.646	2.596.879.417
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.620.908.640	5.022.355.853
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	3.113.474.986	2.734.053.227
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	50.536.673.498	31.049.292.966
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	940.379.774	516.287.900
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	28.875.000	29.620.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container lạnh Tân Cảng	2.579.504.837	1.678.025.039
Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Tân Cảng	2.307.529.560	1.101.903.740
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	7.692.300	704.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	14.798.882.022	9.460.497.643
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	2.162.757.779	2.950.701.403
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	182.552.000	256.394.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	13.949.100	59.384.600
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	153.091.041	86.443.228
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	43.795.777.994	43.358.090.470
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang	23.460.834.796	21.198.397.574
Các nhà cung cấp khác	20.334.943.198	22.159.692.896
Cộng	126.755.243.609	100.979.180.886

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>26.020.200</i>	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	26.020.200	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>138.605.000</i>	<i>359.874.000</i>
Công ty Cổ phần Chế biến và Kinh doanh Lương thực Việt Thành		85.750.000
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại XNK Diệu Thiên		89.700.000
Công ty TNHH Phân bón Gia Vũ		46.108.000
Công ty Cổ phần Phú Hưng		39.625.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Phan Minh	83.195.000	
Các khách hàng khác	55.410.000	98.691.000
Cộng	<u>164.625.200</u>	<u>359.874.000</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		15.747.841.704	(15.747.841.704)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.589.134.980	21.386.930.524	(16.246.826.433)	6.729.239.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên liên doanh	2.672.497.532	2.897.459.557	(3.938.626.411)	1.631.330.678
Thuế thu nhập cá nhân	395.587.915	3.495.409.156	(3.645.880.219)	245.116.852
Các loại thuế khác		10.278.912	(10.278.912)	
Cộng	<u>4.657.220.427</u>	<u>43.537.919.853</u>	<u>(39.589.453.679)</u>	<u>8.605.686.601</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	120.874.269.606	117.451.731.428
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.498.467.236	1.681.935.785
- Các khoản điều chỉnh tăng		1.681.935.785
Các khoản chi phí không hợp lệ	3.498.484.225	1.681.886.598
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền cuối năm nay		1.634
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay		47.553
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền cuối năm nay	(15.355)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tiền cuối năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	<i>(1.634)</i>	
Thu nhập chịu thuế	124.372.736.842	119.133.667.213
Thu nhập được miễn thuế	(17.557.185.877)	(14.937.992.316)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	106.815.550.965	104.195.674.897
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21.363.110.193	20.839.134.979
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	23.820.331	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21.386.930.524	20.839.134.979

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xây lắp nhà Văn phòng TCL	10.414.449.970	

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu - Trả trước tiền thuê kho	1.181.818.188	654.545.460

16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu - Trả trước tiền thuê kho	3.596.969.684	2.318.181.812

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	18.978.838.227	18.084.990.134
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	15.183.070.582	14.467.992.108
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>
- <i>Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh</i>	<i>9.183.070.582</i>	<i>8.467.992.108</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	3.795.767.645	3.616.998.026
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
- <i>Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh</i>	<i>2.295.767.645</i>	<i>2.116.998.026</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.992.495.026	6.357.703.110
Kinh phí công đoàn	201.221.173	125.320.614
Bảo hiểm xã hội	722.992.309	641.016.503
Bảo hiểm y tế	22.502.298	19.283.185
Phải trả tiền cược cont. thu hộ	884.711.000	802.160.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.753.422.520	1.604.768.500
Hoa hồng dịch vụ	293.690.082	448.270.628
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu ⁽ⁱⁱ⁾	2.199.173.134	1.925.132.206
Phải trả tiền thưởng ban điều hành hợp doanh		200.000.000
Phải trả bồi thường	1.364.759.091	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	550.023.419	591.751.474
Cộng	<u>26.971.333.253</u>	<u>24.442.693.244</u>

(i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014 và Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 3.000.000.000 VND, tương đương 20%.

Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai đã chuyển nhượng 10% vốn góp cho Công ty tương đương 1.500.000.000 VND, làm tăng tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty lên là 50% và giảm tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai xuống còn 10%.

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 748/HĐ-KD ngày 25 tháng 10 năm 2016 về hợp tác khai thác bãi container và các dịch vụ liên quan đến container của hãng tàu MOL và KMTTC tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy thuộc Khu công nghiệp Cát Lái 2, 3 bên tham gia gồm: Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One. Trong đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu là bên đại diện hợp doanh, Công ty là bên quản lý, điều hành hoạt động của hợp doanh, chịu trách nhiệm xuất hóa đơn và thu tiền từ khách hàng, sau đó chuyển trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu phân chia cho hợp doanh (được xác định theo tỷ lệ % tiền thu từ khách hàng tùy theo từng loại dịch vụ).

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	18.750.000.000	18.750.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	19.007.648.000	8.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.500.000.000	8.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.507.648.000	900.000.000
Cộng	<u>37.757.648.000</u>	<u>27.650.000.000</u>

(iii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 ký giữa Công ty (bên A) với Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng (bên B) và Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm (bên C) về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó: bên A góp 50%, bên B góp 30% và bên C góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.

Trong năm, Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp của dự án trên cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đồng thời chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001/2017/TT-UO ngày 10 tháng 01 năm 2017.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn chỉ bao gồm vay dài hạn đến hạn trả các ngân hàng (xem thuyết minh số V.17b)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	2.169.016.000	6.302.450.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	4.531.618.922	1.695.752.000
Cộng	<u>6.700.634.922</u>	<u>7.998.202.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.998.202.000	35.177.752.260
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	6.700.634.922	18.340.700.978
Số tiền vay đã trả	(7.998.202.000)	(45.520.251.238)
Số cuối năm	<u>6.700.634.922</u>	<u>7.998.202.000</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	6.507.681.240	17.381.100.326
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	37.763.491.014	3.391.494.000
Cộng	<u>44.271.172.254</u>	<u>20.772.594.326</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014 và 2015 để mua sắm tài sản cố định, thanh toán tiền đặt cọc thuê đất, thuê bãi, thuê cơ sở hạ tầng, các công trình phụ trợ, đầu tư xây dựng ICD Tân Cảng Nhơn Trạch và nâng cấp bến số 3B – Lũ đoàn 125. Thời hạn vay từ 48 tháng đến 84 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất từ 7,5% đến 8,6%. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, một số cầu Liebherr, tài sản hình thành trong tương lai từ dự án và quyền khai thác toàn bộ diện tích đất của dự án ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, quyền khai thác tài sản hình thành từ dự án bến số 3B – Lũ đoàn 125 (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 12 năm 2015 để mua xe nâng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay là 8,5%.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	6.700.634.922	7.998.202.000
Trên 1 năm đến 5 năm	30.676.315.489	20.772.594.326
Trên 5 năm	13.594.856.765	
Cộng	<u>50.971.807.176</u>	<u>28.770.796.326</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	20.772.594.326	39.113.295.304
Số tiền vay phát sinh	42.295.109.936	
Số tiền vay đã trả	(12.095.897.086)	
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(6.700.634.922)	(18.340.700.978)
Số cuối năm	<u>44.271.172.254</u>	<u>20.772.594.326</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.044.781.697	8.514.652.210	150.000.000	(7.583.500.000)	4.125.933.907
Quỹ phúc lợi	1.870.954.819	8.514.652.210		(6.081.795.900)	4.303.811.129
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		450.000.000		(450.000.000)	
Cộng	<u>4.915.736.516</u>	<u>17.479.304.420</u>	<u>150.000.000</u>	<u>(14.115.295.900)</u>	<u>8.429.745.036</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu trước	209.438.930.000	20.712.126.338	98.914.918.579	256.838.881.346	585.904.856.263
Lợi nhuận trong năm trước				96.612.596.449	96.612.596.449
Trích lập các quỹ			9.651.259.645	(20.062.848.205)	(10.411.588.560)
Chia cổ tức				(31.415.839.500)	(31.415.839.500)
Trích lập quỹ thường ban quản trị hợp doanh				(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm trước	209.438.930.000	20.712.126.338	108.566.178.224	301.872.790.090	640.590.024.652
Số dư đầu năm nay	209.438.930.000	20.712.126.338	108.566.178.224	301.872.790.090	640.590.024.652
Lợi nhuận trong năm nay				99.487.339.082	99.487.339.082
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay			9.948.733.910	(26.978.038.330)	(17.029.304.420)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước				(37.699.007.400)	(37.699.007.400)
Trích lập quỹ thường ban quản lý điều hành từ lợi nhuận năm trước				(450.000.000)	(450.000.000)
Trích lập quỹ thường ban quản trị hợp doanh từ lợi nhuận năm trước				(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư cuối năm nay	209.438.930.000	20.712.126.338	118.514.912.134	336.133.083.442	684.799.051.914

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	106.814.400.000	106.814.400.000
Các cổ đông khác	102.624.530.000	102.624.530.000
Cộng	209.438.930.000	209.438.930.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.943.893	20.943.893
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.943.893	20.943.893
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.943.893	20.943.893
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 214/NQ-ĐHĐCĐTN 2018 ngày 16 tháng 4 năm 2018 như sau:

VND

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	37.699.007.400
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	:	450.000.000
• Thưởng ban điều hành hoạt động liên doanh	:	100.000.000

Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018

• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	:	9.948.733.910
• Trích quỹ khen thưởng (12,5% quỹ lương)	:	8.514.652.210
• Trích quỹ phúc lợi (12,5% quỹ lương)	:	8.514.652.210

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	65,34	65,34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	287.413.870.088	258.261.572.080
Doanh thu dịch vụ Depot	430.159.920.253	406.779.071.899
Doanh thu dịch vụ khác	169.838.770.738	167.720.535.383
Cộng	<u>887.412.561.079</u>	<u>832.761.179.362</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Thanh lý TSCĐ</i>	3.500.000.000	
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	561.589.867.768	559.973.952.492
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		909.091
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.416.467.229	2.307.517.727
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	8.155.357.032	7.656.195.330
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	114.450.907	114.772.726
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	35.396.200	461.201.091
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	389.312.000	581.098.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	306.547.116	258.912.157
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	35.822.909	16.116.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	3.272.727	6.805.271
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	8.854.546	26.100.000
Công ty TNHH Cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép		3.829.091
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một		909.091
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	3.600.000	

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải, xếp dỡ	218.315.044.724	212.498.857.704
Giá vốn dịch vụ Depot	389.508.145.782	336.843.628.627
Giá vốn dịch vụ khác	127.814.876.813	128.499.754.070
Cộng	<u>735.638.067.319</u>	<u>677.842.240.401</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.514.390.379	4.795.696.592
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.557.185.877	14.937.992.316
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.682	47.679.782
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết		858.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.355	
Cộng	<u>26.071.607.293</u>	<u>20.639.368.690</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.139.608.170	4.217.105.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.634
Cộng	<u>2.139.608.170</u>	<u>4.217.106.741</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng	5.544.603.638	5.583.920.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.492.015.495	3.966.493.526
Các chi phí khác	1.557.716.873	1.070.629.299
Cộng	<u>9.594.336.006</u>	<u>10.621.042.982</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	23.830.040.795	22.867.077.571
Chi phí đồ dùng văn phòng	700.441.824	549.010.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	607.836.892	392.494.628
Thuế, phí và lệ phí	161.929.579	180.491.636
Dự phòng phải thu khó đòi		19.235.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.954.448.397	8.241.786.864
Các chi phí khác	13.702.667.316	11.620.638.458
Cộng	<u>45.957.364.803</u>	<u>43.870.734.958</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	3.500.000.000	545.454.545
Tiền phạt tiêu hao nhiên liệu	80.871.843	25.409.198
Tiền phạt bồi thường tổn thất	2.641.210	56.108.035
Thu nhập khác		1.053
Cộng	<u>3.583.513.053</u>	<u>626.972.831</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thường phương tiện về định mức nhiên liệu	564.953	9.634.317
Chi phí bồi thường tổn thất	2.771.376.641	
Phạt vi phạm, tiền chậm nộp thuế	84.814.681	739.411
Chi phí khác	7.279.246	14.290.645
Cộng	<u>2.864.035.521</u>	<u>24.664.373</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	99.487.339.082	96.612.596.449
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(17.579.304.420)	(10.201.259.644)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(17.029.304.420)	(9.651.259.644)
<i>Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành</i>	(450.000.000)	(450.000.000)
<i>Trích quỹ thưởng ban điều hành liên doanh</i>	(100.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	81.908.034.662	86.411.336.805
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	20.943.893	20.943.893
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.911</u>	<u>4.126</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.672.621.141	33.254.946.667
Chi phí nhân công	78.044.555.316	75.262.939.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.014.446.823	59.768.290.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	508.493.627.841	478.021.279.564
Chi phí khác	111.964.517.007	84.899.289.515
Cộng	<u>791.189.768.128</u>	<u>731.206.745.614</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	4.895.620.677	4.537.100.790
Tiền thưởng	988.127.322	760.328.915
Cộng	<u>5.883.747.999</u>	<u>5.297.429.705</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

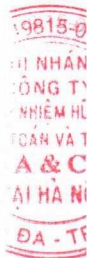
Ngoài các giao dịch phát sinh với các liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Sử dụng dịch vụ của Công ty mẹ	26.172.661.520	32.340.137.724
Cổ tức trả cho Công ty mẹ	19.226.592.000	16.022.160.000
<i>Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng</i>		
Mua nhiên liệu	12.886.720.164	10.414.721.335
<i>Các đơn vị khác - Sử dụng dịch vụ</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	15.215.217.916	4.012.151.115
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	8.069.527.723	13.711.267.321
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	3.501.227.498	14.926.155.370
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	27.543.425.841	18.926.887.176
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	2.189.648.500	1.187.211.450
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước		4.551.552
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		319.720.142
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	12.610.113.562	8.277.529.892
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	13.600.475.691	6.982.325.226
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	1.785.291.290	265.505.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	123.045.000	297.705.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	210.825.268	491.705.218
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	104.887.182	21.088.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	158.557.001	176.001.636

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.12, V.13 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ, thực hiện trên địa bàn khu vực Đồng Nai, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

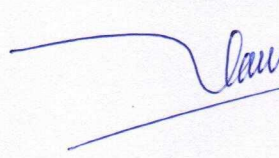
Lập, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Lê Việt Hải

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

